

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG,
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **65** /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 9 – 2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,
cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Vũ Anh Kiệt;
2. Ông Lê Ngọc Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 415/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 9 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày: 08/08/1998; căn cước công dân số: 060198002539, địa chỉ: Khu phố X, phường P.H, tỉnh L.Đ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Cao S, sinh ngày: 26/5/1994; căn cước công dân số: 060094011662, địa chỉ: Thôn H.A, xã T.H, tỉnh L.Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2024, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Cao S tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phước Hội, thị xã La Gi (nay là phường Phước Hội, tỉnh Lâm Đồng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 14/4/2017. Bà T và ông S có 02 người con chung là cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày: 22/9/2015 và Nguyễn An Chi, sinh ngày: 22/01/2021.

Sau khi kết hôn, bà T và ông S sống chung với nhau tại nhà của cha mẹ bà T tại phường Phước Hội, thị xã La Gi (nay là phường Phước Hội, tỉnh Lâm Đồng). Đến năm 2022, bà T và ông S xây nhà và sinh sống tại thôn Hiệp An, xã Tân Tiến, thị xã La Gi (nay là Thôn H.A, xã T.H, tỉnh L.Đ). Quá trình sống chung, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn liên quan đến vấn đề tài chính, ông S thường xuyên nhậu nhẹt, không tu chí làm ăn, đời sống kinh tế gia đình rất khó khăn, ông S còn có bạo lực gia đình, chửi bới, đe dọa, hành hung bà T. Vì không thể sống chung với nhau được nữa nên từ tháng 6/2024, bà T và ông S không sống chung với nhau, bà T đã đưa hai con chung về sống tại nhà của cha mẹ bà T tại phường Phước Hội, đến tháng 01/2025, thì bà cùng 02 con chuyển ra ngoài thuê trọ sống cho đến nay. Nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chính vì vậy, bà T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Ly hôn với ông Nguyễn Cao S; về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày: 22/9/2015 và cháu Nguyễn An Chi, sinh ngày: 22/01/2021 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: Yêu cầu ông Nguyễn Cao S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 2 triệu đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Cao S trình bày: Ông S thừa nhận giữa ông và bà Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phước Hội, thị xã La Gi (nay là phường Phước Hội, tỉnh Lâm Đồng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 14/4/2017. Quá trình sống chung vợ chồng ông không phát sinh mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, khoảng 01 năm trước thì bà T có quan hệ hình cảm với người khác nên đã bỏ đi. Ông và bà T sống ly thân từ thời

điểm đó đến nay. Bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn tình cảm với bà T, muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, gia đình đoàn tụ. Ông và bà T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày: 22/9/2015 và Nguyễn An Chi, sinh ngày: 22/01/2021. Ông đồng ý giao các con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông hiện đang làm nghề biển với thu nhập bình quân khoảng 5 – 7 triệu đồng/tháng nên không đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 2 triệu đồng/tháng của bà T. Vì vậy ông không đồng ý yêu cầu của bà T. Về tài sản ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác định đời sống hôn nhân của bà T và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đủ điều kiện để giải quyết ly hôn, trên cơ sở trình bày của bên đương sự, kết quả xác minh của Tòa án, việc giao con chung là cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày: 22/9/2015 và cháu Nguyễn An Chi, sinh ngày: 22/01/2021, cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 2 triệu đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Cao S, giao cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày: 22/9/2015 và cháu Nguyễn An Chi, sinh ngày: 22/01/2021 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2 triệu đồng/tháng, không yêu cầu giải quyết về tài sản, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng” theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Cao S có nơi cư trú tại thôn Hiệp An, xã Tân Tiến, thị xã La Gi (Nay là Thôn H.A, xã T.H, tỉnh L.Đ) nên thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân thị xã La Gi (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Cao S, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng..

[3] Bà T trình bày mâu thuẫn giữa bà T và ông S là do vấn đề tài chính, ông S thường xuyên sử dụng rượu, bia, không tu chí làm ăn, đời sống kinh tế gia đình rất khó khăn, ông S còn có hành vi bạo lực gia đình, chửi bới, đe dọa, hành hung bà T. Từ tháng 6/2024, bà T và ông S đã không sống chung với nhau, bà T đã đưa hai cháu về nhà cha mẹ để sinh sống. Đến tháng 01/2025 thì bà thuê nhà sống ổn định cùng các con cho đến nay. Ông S cũng thừa nhận ông và bà T đã không sống chung với nhau từ đầu năm 2025 đến nay. Trên cơ sở lời trình bày của bà T, Tòa án đã tiến hành xác minh và kết quả thể hiện tại Biên bản xác minh lập ngày 31/7/2025, cho thấy bà T và ông S đã không còn sống chung với nhau. Mặt khác, tại biên bản lấy ý kiến nguyện vọng của con chưa thành niên, cháu An trình bày cha mẹ hay cãi nhau, mỗi lần ông S uống rượu, bia là đánh bà T.

[4] Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho **hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt***

được”; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao quy định: *“Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được là thuộc một trong các trường hợp sau đây: Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: **vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng**”*. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống hôn nhân của bà T và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ điều kiện để cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày: 22/9/2015 và cháu Nguyễn An Chi, sinh ngày: 22/01/2021. Tại biên bản lấy ý kiến nguyện vọng của con chưa thành niên, cháu An có nguyện vọng muốn được sống cùng bà T. Từ tháng 6/2024, bà T và ông S sống ly thân thì cháu An và cháu Chi đều sống cùng bà T, do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông S cũng đồng ý giao các con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Trên cơ sở sự gắn bó, thân thiết của con với cha, mẹ cũng như sự quan tâm của cha, mẹ đối với con, nhằm đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày: 22/9/2015 và cháu Nguyễn An Chi, sinh ngày: 22/01/2021 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng như bà T yêu cầu là phù hợp.

[6] Bà T cùng các cháu hiện đang thuê nhà trọ để sinh sống, bà T đang nhận may gia công áo quần tại nhà và bán dịch vụ chăm sóc móng tay, chân tận nhà với mức thu nhập bình quân khoảng 08 triệu đồng/tháng. Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”*, tại mục 26 phụ lục 1 được ban hành kèm theo Nghị định số

128/2025/NĐ-CP, ngày 11/6/2025 và Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024, của Chính phủ, mức lương tối thiểu vùng của xã Tân Hải là 3.860.000 đồng. Trên cơ sở đánh giá toàn diện lời trình bày của các bên đương sự về thu nhập, nhu cầu thiết yếu của con chung và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy mức cấp dưỡng 2 triệu đồng/tháng/01 con chung như yêu cầu của bà T là phù hợp.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ. Bà Nguyễn Thị Ngọc T, ông Nguyễn Cao S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1, khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 6, khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Mục 26 phụ lục 1 được ban hành kèm theo Nghị định số 128/2025/NĐ-CP, ngày 11/6/2025, của Chính phủ;

- Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP, ngày 30/6/2024, của Chính phủ;

- Khoản 8 Điều 26, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T ly hôn với ông Nguyễn Cao S.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc A, sinh ngày: 22/9/2015 và cháu Nguyễn An Chi, sinh ngày: 22/01/2021 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Cao S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 02 triệu đồng cho mỗi con chung, cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Cao S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 – Lâm Đồng) theo Biên lai thu số 0012319, ngày 21/3/2025.

+ Ông Nguyễn Cao S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

3. Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Quyết định của bản án về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ/
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Phú